

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng và hình thức quản lý xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.
- Các nội dung khác liên quan, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) không thuộc đối tượng áp dụng tại Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

1. Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh

Các chức danh được trang bị xe ô tô theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, gồm: Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh và Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách Tỉnh.

2. Xe ô tô phục vụ công tác chung

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô được bố trí định mức sử dụng xe như sau:

a) Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Xe ô tô chuyên dùng

a) Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...); xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe thanh tra giao thông, xe phục vụ tang lễ, xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô...); xe ô tô tải; xe ô tô trên 16 chỗ ngồi: chi tiết về đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Thủ trưởng đơn vị quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.

Điều 4. Hình thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Cấp tỉnh

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc, Thủ trưởng đơn vị quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

2. Cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **11 tháng 11** năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU;
- TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Công báo Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, NC/KT-MDung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Trí Quang